ẤN PHẨM 03 / 06 · CẨM NANG SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Dành cho doanh nghiệp đang xây dựng thương hiệu

Đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam

Hướng dẫn điều kiện bảo hộ, hồ sơ, quy trình, phí và cách bảo vệ nhãn hiệu, theo Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi 2025, có hiệu lực từ ngày 01/4/2026.

TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU

Năm câu hỏi doanh nghiệp thường đặt ra

Mỗi câu trả lời dưới đây là bản rút gọn. Phần phân tích, căn cứ pháp lý và hồ sơ chi tiết nằm ở chương được ghi bên phải.

01

Doanh nghiệp có bắt buộc tra cứu nhãn hiệu trước khi nộp đơn?

CHƯƠNG II

Không bắt buộc nhưng nên làm. Tra cứu trên cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ và WIPO Global Brand Database để phát hiện nhãn hiệu trùng, tương tự cùng nhóm.

02

Nhà đầu tư nước ngoài có được tự nộp đơn nhãn hiệu không?

CHƯƠNG III

Chỉ khi thường trú hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Nếu không, phải nộp qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam.

03

Doanh nghiệp chờ thẩm định nội dung đơn nhãn hiệu bao lâu?

CHƯƠNG IV

05 tháng kể từ ngày công bố đơn. Thẩm định nhanh là 03 tháng, chỉ áp dụng cho các trường hợp Nghị định 65/2023/NĐ-CP quy định.

04

Doanh nghiệp nộp lệ phí nộp đơn nhãn hiệu bao nhiêu?

CHƯƠNG V

75.000 đồng mỗi đơn đến hết 31/12/2026, do lệ phí giảm 50% theo Thông tư 64/2025/TT-BTC. Từ 01/01/2027 trở về mức gốc 150.000 đồng nếu không có quy định mới.

05

Khi nào doanh nghiệp mất quyền đối với nhãn hiệu đã cấp?

CHƯƠNG VI

Khi không sử dụng liên tục 05 năm mà không có lý do chính đáng, hoặc không gia hạn khi hết hiệu lực 10 năm và hết thời gian ân hạn.

SƠ ĐỒ 03

QUY TRÌNH

Từ nộp đơn đến văn bằng

1. **Nộp đơn**
   Ngày nộp đơn
   Đơn được công khai ngay sau khi tiếp nhận

2. **Thẩm định hình thức**
   01 tháng
   Sửa thiếu sót trong 02 tháng nếu được yêu cầu

3. **Công bố đơn**
   01 tháng
   Trên Công báo sở hữu công nghiệp

4. **Thời hạn phản đối**
   03 tháng
   Bên thứ ba có thể gửi ý kiến phản đối

5. **Thẩm định nội dung**
   05 tháng
   Thẩm định nhanh 03 tháng trong trường hợp luật định

6. **Nộp phí cấp văn bằng**
   02 tháng
   Kể từ thông báo dự định cấp

7. **Văn bằng có hiệu lực**
   10 năm
   Gia hạn nhiều lần, mỗi lần 10 năm

CÁCH ĐỌC

Sơ đồ đi từ ngày nộp đơn đến khi văn bằng có hiệu lực. Dòng chữ xanh là thời hạn luật định của từng bước. Chi tiết có tại Chương IV.

TÓM TẮT

Luật số 131/2025/QH15 sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ, hiệu lực từ 01/4/2026, rút ngắn đáng kể quy trình đăng ký nhãn hiệu: đơn được công khai ngay khi tiếp nhận, bỏ quyết định chấp nhận đơn hợp lệ riêng, thời hạn thẩm định nội dung còn 05 tháng kể từ ngày công bố đơn.

01
tháng thẩm định hình thức kể từ ngày nộp đơn

03
tháng để bên thứ ba phản đối, kể từ ngày công bố đơn

05
tháng thẩm định nội dung kể từ ngày công bố đơn (thẩm định nhanh: 03 tháng)

10
năm hiệu lực tính từ ngày nộp đơn, gia hạn nhiều lần, mỗi lần 10 năm

NỘI DUNG

CHƯƠNG I	Nhãn hiệu nào được bảo hộ
CHƯƠNG II	Trước khi nộp đơn: tra cứu và phân nhóm
CHƯƠNG III	Ai được nộp đơn và hồ sơ
CHƯƠNG IV	Quy trình xử lý đơn theo luật mới
CHƯƠNG V	Phí và lệ phí
CHƯƠNG VI	Sau khi có văn bằng: sử dụng, gia hạn, bảo vệ
CHƯƠNG VII	Đăng ký quốc tế theo hệ thống Madrid
CHƯƠNG VIII	Hỏi đáp thường gặp
PHỤ LỤC	Danh mục căn cứ pháp lý

CHƯƠNG I

Nhãn hiệu nào được bảo hộ

Điều kiện để một dấu hiệu được bảo hộ và các trường hợp thường bị từ chối.

Nhãn hiệu được bảo hộ khi đáp ứng hai điều kiện: là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, hình ba chiều hoặc kết hợp các yếu tố đó, thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc, hoặc dấu hiệu âm thanh thể hiện được dưới dạng đồ họa; và có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu với chủ thể khác.

1. Dấu hiệu thường bị từ chối

- dấu hiệu mô tả hàng hóa, dịch vụ: chủng loại, chất lượng, công dụng, thành phần, giá trị (ví dụ "Sạch", "Premium" cho thực phẩm);
- hình học đơn giản, chữ số, chữ cái hoặc tên gọi thông thường không có khả năng phân biệt;
- dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý, trừ khi đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi trước ngày nộp đơn hoặc đăng ký làm nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận;
- dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu đã đăng ký, nộp đơn sớm hơn cho hàng hóa, dịch vụ trùng hoặc tương tự, hoặc với nhãn hiệu nổi tiếng;
- quốc kỳ, quốc huy, tên và biểu tượng của cơ quan nhà nước, tổ chức quốc tế; tên, hình ảnh lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân.

Luật số 131/2025/QH15 bổ sung quy định riêng cho dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý quốc gia Việt Nam: chỉ được chấp nhận nếu đã được thừa nhận rộng rãi trước ngày nộp đơn, hoặc là yếu tố cấu thành của nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận có khả năng phân biệt.

2. Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên

> *"Trong trường hợp có nhiều đơn của nhiều người khác nhau đăng ký cùng một sáng chế hoặc đăng ký các kiểu dáng công nghiệp trùng hoặc không khác biệt đáng kể với nhau hoặc đăng ký các nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhau cho các sản phẩm, dịch vụ trùng nhau hoặc tương tự với nhau thì văn bằng bảo hộ chỉ có thể được cấp cho đơn hợp lệ có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất trong số những đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ."*

Khoản 1 Điều 90 (Nguyên tắc nộp đơn đầu tiên), Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, đã được sửa đổi, bổ sung

Việt Nam bảo hộ theo nguyên tắc nộp đơn, không theo nguyên tắc sử dụng trước. Doanh nghiệp nên nộp đơn trước khi công bố thương hiệu, ký hợp đồng phân phối hoặc nhượng quyền. Từ 01/4/2026, văn bằng cấp trái nguyên tắc nộp đơn đầu tiên có thể bị hủy bỏ hiệu lực.

CHƯƠNG II

II Trước khi nộp đơn: tra cứu và phân nhóm

Tra cứu khả năng đăng ký và phân nhóm sản phẩm, dịch vụ.

1. Tra cứu khả năng đăng ký

Tra cứu không bắt buộc nhưng là bước nên làm. Kết quả tra cứu cho biết có nhãn hiệu trùng hoặc tương tự đã nộp đơn cho cùng nhóm hàng hóa, dịch vụ hay không, từ đó điều chỉnh nhãn hiệu trước khi mất phí và thời gian. Cơ sở dữ liệu nhãn hiệu của Cục Sở hữu trí tuệ và WIPO Global Brand Database là hai nguồn tra cứu chính.

2. Phân nhóm theo Bảng phân loại Nice

Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải được xếp nhóm theo Bảng phân loại Nice, hiện áp dụng phiên bản 13-2026 từ ngày 01/01/2026. Mỗi nhóm tính phí riêng, và mỗi nhóm có tối đa 06 sản phẩm, dịch vụ trong mức phí cơ bản. Danh mục nên mô tả đúng sản phẩm thực tế và kế hoạch mở rộng trong 3–5 năm, vì quyền chỉ phát sinh với hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký.

CHƯƠNG III

III Ai được nộp đơn và hồ sơ

Ai được nộp đơn và hồ sơ cần chuẩn bị.

1. Người nộp đơn

Tổ chức, cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam được tự nộp đơn hoặc nộp qua đại diện. Tổ chức, cá nhân nước ngoài không thường trú, không có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam phải nộp qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam.

> *"2. Cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn yêu cầu thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam."*
>
> Khoản 2 Điều 89 (Cách thức nộp đơn yêu cầu thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp), Luật Sở hữu trí tuệ, sửa đổi bởi khoản 23 Điều 1 Luật số 131/2025/QH15

2. Hồ sơ đơn (Điều 68 Thông tư 10/2026/TT-BKHCN)

a) Tờ khai đăng ký nhãn hiệu theo Mẫu số 04 Phụ lục I Thông tư 10/2026/TT-BKHCN.

b) Mẫu nhãn hiệu (05 mẫu nếu nộp đơn giấy) và danh mục hàng hóa, dịch vụ đã phân nhóm.

c) Giấy ủy quyền, nếu nộp qua đại diện.

d) Quy chế sử dụng nhãn hiệu, nếu là nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận.

đ) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên (bản sao đơn đầu tiên) nếu yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo Công ước Paris.

e) Văn bản đồng ý sử dụng hình ảnh, tên cá nhân hoặc tài liệu khác nếu nhãn hiệu có các yếu tố này.

g) Chứng từ nộp phí, lệ phí.

Đơn có thể nộp bằng giấy hoặc trực tuyến qua hệ thống nộp đơn điện tử của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

CHƯƠNG IV

IV Quy trình xử lý đơn theo luật mới

Các bước xử lý đơn và thời hạn áp dụng từ ngày 01/4/2026.

BƯỚC	GIAI ĐOẠN	THỜI HẠN LUẬT ĐỊNH	NỘI DUNG
1	Tiếp nhận và công khai đơn	Ngay sau khi tiếp nhận	Đơn nhãn hiệu được công khai ngay sau khi Cục Sở hữu trí tuệ tiếp nhận
2	Thẩm định hình thức	01 tháng kể từ ngày nộp đơn	Nếu có thiếu sót, người nộp đơn có 02 tháng để sửa; đơn không thuộc trường hợp không hợp lệ được coi là hợp lệ, không còn quyết định chấp nhận riêng

3	Công bố đơn	01 tháng kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ	Công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp
4	Phản đối của bên thứ ba	03 tháng kể từ ngày công bố	Thời gian xử lý ý kiến phản đối không tính vào thời hạn thẩm định nội dung
5	Thẩm định nội dung	05 tháng kể từ ngày công bố đơn	Đánh giá khả năng phân biệt và xung đột với quyền có trước; nếu có dự định từ chối, người nộp đơn có 02 tháng để giải trình
6	Nộp phí cấp bằng	02 tháng kể từ thông báo dự định cấp	Nộp lệ phí cấp văn bằng, phí công bố quyết định cấp, phí đăng bạ
7	Cấp Giấy chứng nhận	Công bố quyết định cấp trong 30 ngày	Ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp

> *"b) Đối với nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp và chỉ dẫn địa lý: trong thời hạn năm tháng kể từ ngày công bố đơn."*

Điểm b khoản 2 Điều 119 (Thời hạn xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp), Luật Sở hữu trí tuệ, sửa đổi bởi khoản 44 Điều 1 Luật số 131/2025/QH15

1. Thẩm định nội dung nhanh

Khoản 2a Điều 119 mới cho phép người nộp đơn yêu cầu thẩm định nội dung nhanh trong 03 tháng, nhưng chỉ trong các trường hợp do Chính phủ quy định tại Nghị định 65/2023/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 100/2026/NĐ-CP). Thủ tục này không áp dụng cho mọi đơn; cần đánh giá điều kiện cụ thể trước khi nộp yêu cầu và nộp phí thẩm định nhanh.

2. Đơn nộp trước ngày 01/4/2026

Đơn nộp trước ngày 01/4/2026 được xử lý theo luật tại thời điểm nộp đơn, trừ thẩm định hình thức với đơn chưa được chấp nhận hợp lệ, thời hạn phản đối và thời hạn thẩm định nội dung với đơn được công bố từ ngày 01/4/2026; các nội dung này áp dụng luật mới.

GHI CHÚ CỦA LUẬT SƯ

Thời hạn trên là thời hạn luật định. Thực tế, thời gian từ khi nộp đến khi có văn bằng thường dài hơn do số lượng đơn tồn đọng và thời gian sửa đơn, giải trình. Trong thời gian chờ, ngày nộp đơn đã xác lập quyền ưu tiên; doanh nghiệp nên ghi nhận số đơn trên bao bì, hợp đồng để làm bằng chứng.

CHƯƠNG V

V

Phí và lệ phí

Các khoản phí, lệ phí chính cho một nhóm sản phẩm, dịch vụ.

Phí, lệ phí sở hữu công nghiệp áp dụng theo Thông tư 263/2016/TT-BTC và các thông tư sửa đổi. Từ 01/7/2025 đến hết 31/12/2026, các khoản lệ phí được giảm 50% theo Thông tư 64/2025/TT-BTC; các khoản phí giữ nguyên. Bảng dưới đây nêu các khoản chính cho một nhóm hàng hóa, dịch vụ có không quá 06 sản phẩm, dịch vụ.

KHOẢN THU	MỨC ÁP DỤNG ĐẾN 31/12/2026	GHI CHÚ
Lệ phí nộp đơn (mỗi đơn)	75.000 đồng	Mức gốc 150.000 đồng
Phí phân loại quốc tế (mỗi nhóm)	100.000 đồng	Không giảm
Phí thẩm định nội dung (mỗi nhóm)	550.000 đồng	Không giảm
Phí công bố đơn	120.000 đồng	Không giảm
Lệ phí cấp văn bằng (nhóm đầu tiên)	60.000 đồng	Mức gốc 120.000 đồng
Phí công bố quyết định cấp; phí đăng bạ	120.000 đồng mỗi khoản	Không giảm
Lệ phí gia hạn (mỗi nhóm)	50.000 đồng	Mức gốc 100.000 đồng

Bảng chưa gồm phí tra cứu phục vụ thẩm định, phí cho sản phẩm, dịch vụ thứ 7 trở đi trong mỗi nhóm, phí yêu cầu hưởng quyền ưu tiên và phí dịch vụ đại diện. Đơn nộp qua ứng dụng VNeID có thể được miễn một số lệ phí trong năm 2026 theo Thông tư 29/2026/TT-BTC. Từ 01/01/2027, lệ phí trở về mức gốc nếu không có quy định mới.

ẢNH: HELEN CHENG / UNSPLASH

ẤN PHẨM 03

Nhãn hiệu cần có khả năng phân biệt

Dấu hiệu chỉ mô tả sản phẩm, hoặc trùng, tương tự với nhãn hiệu đã nộp đơn trước, thường bị từ chối, vì vậy nên tra cứu trước khi nộp đơn. Văn bằng có hiệu lực 10 năm và được gia hạn nhiều lần.

CHƯƠNG VI

Sau khi có văn bằng: sử dụng, gia hạn, bảo vệ

VI

Gia hạn, nghĩa vụ sử dụng và cách bảo vệ nhãn hiệu sau khi được cấp.

1. Hiệu lực và gia hạn

> *"Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có hiệu lực từ ngày cấp đến hết mười năm kể từ ngày nộp đơn, có thể gia hạn nhiều lần liên tiếp, mỗi lần mười năm."*

Khoản 6 Điều 93 (Hiệu lực của văn bằng bảo hộ), Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, đã được sửa đổi, bổ sung

Chủ sở hữu nên nộp yêu cầu gia hạn trong 06 tháng trước ngày hết hiệu lực. Sau ngày hết hiệu lực vẫn có thời gian ân hạn có nộp phí phụ trội; quá thời gian này văn bằng chấm dứt hiệu lực.

2. Nghĩa vụ sử dụng

> *"Chủ sở hữu nhãn hiệu có nghĩa vụ sử dụng liên tục nhãn hiệu đó. Trong trường hợp nhãn hiệu không được sử dụng liên tục từ năm năm trở lên thì quyền sở hữu nhãn hiệu đó bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Điều 95 của Luật này."*

Khoản 2 Điều 136 (Nghĩa vụ sử dụng sáng chế, nhãn hiệu), Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11

Bất kỳ ai cũng có quyền yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu không được sử dụng 05 năm liên tục mà không có lý do chính đáng, trừ khi việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại ít nhất 03 tháng trước ngày có yêu cầu. Doanh nghiệp nên lưu hóa đơn, hợp đồng, tài liệu quảng cáo có gắn nhãn hiệu làm bằng chứng sử dụng.

3. Bảo vệ nhãn hiệu

- theo dõi Công báo sở hữu công nghiệp để phản đối đơn của bên thứ ba trong 03 tháng kể từ ngày công bố;

– yêu cầu xử lý xâm phạm bằng biện pháp hành chính, dân sự; đề nghị cơ quan hải quan kiểm soát hàng hóa xâm phạm tại biên giới;
– đăng ký tên miền, tên tài khoản mạng xã hội trùng nhãn hiệu để hạn chế chiếm dụng.

CHƯƠNG VII

VII

Đăng ký quốc tế theo hệ thống Madrid

Đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài qua hệ thống Madrid.

Nhãn hiệu đã nộp đơn hoặc đã đăng ký tại Việt Nam có thể làm cơ sở đăng ký quốc tế theo Nghị định thư Madrid, chỉ định nhiều quốc gia trong một đơn, nộp qua Cục Sở hữu trí tuệ. Với đơn quốc tế có chỉ định Việt Nam, Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định chấp nhận hoặc tạm thời từ chối trong 12 tháng kể từ ngày nhận thông báo của Văn phòng quốc tế; chủ đơn có 03 tháng để trả lời thông báo tạm thời từ chối và phải thông qua đại diện sở hữu công nghiệp tại Việt Nam.

CHƯƠNG VIII

VIII

Hỏi đáp thường gặp

Bốn câu hỏi doanh nghiệp thường đặt ra, kèm câu trả lời của luật sư.

1. Đã đăng ký kinh doanh tên công ty thì có cần đăng ký nhãn hiệu?

Có. Tên doanh nghiệp được bảo hộ theo pháp luật doanh nghiệp trong phạm vi đăng ký kinh doanh; quyền đối với nhãn hiệu chỉ phát sinh khi được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng. Người khác vẫn có thể nộp đơn nhãn hiệu trùng tên công ty nếu bạn chưa nộp.

2. Có được dùng ký hiệu ® khi đang chờ cấp văn bằng?

Không nên. Ký hiệu ® thường được hiểu là nhãn hiệu đã được đăng ký; dùng khi chưa có văn bằng có thể bị xem là chỉ dẫn sai. Trong thời gian chờ, có thể ghi "Nhãn hiệu đã nộp đơn đăng ký số..." hoặc dùng ký hiệu ™.

3. Logo và chữ nên đăng ký chung hay riêng?

Nếu ngân sách cho phép, nên đăng ký riêng phần chữ và phần logo. Đăng ký riêng giúp bảo vệ rộng hơn khi doanh nghiệp đổi thiết kế logo hoặc dùng tên ở dạng chữ thường.

4. Bị từ chối thì làm gì?

Người nộp đơn có quyền giải trình, sửa đổi danh mục, hoặc khiếu nại quyết định từ chối. Nếu bị từ chối vì nhãn hiệu đối chứng không còn sử dụng, có thể yêu cầu tạm dừng thẩm định để yêu cầu chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đối chứng, theo cơ chế mới tại Luật số 131/2025/QH15.

PHỤ LỤC

PL

Danh mục căn cứ pháp lý

Danh mục văn bản được sử dụng trong cẩm nang.

STT	VĂN BẢN	SỐ HIỆU	HIỆU LỰC
1	Luật Sở hữu trí tuệ, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022, 2025	50/2005/QH11	01/7/2006
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ	131/2025/QH15, thông qua ngày 10/12/2025	01/4/2026
3	Văn bản hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ	67/VBHN-VPQH, ngày 23/3/2026	Văn bản hợp nhất
4	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp	65/2023/NĐ-CP, ngày 23/8/2023; sửa đổi bởi 15/2026, 33/2026, 100/2026/NĐ-CP	23/8/2023
5	Thông tư quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định 65/2023/NĐ-CP	10/2026/TT-BKHCN, ngày 31/3/2026; sửa đổi bởi 20/2026/TT-BKHCN	01/4/2026
6	Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp	263/2016/TT-BTC, ngày 14/11/2016	01/01/2017
7	Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân	64/2025/TT-BTC, ngày 30/6/2025	01/7/2025 đến 31/12/2026

THỜI HẠN XỬ LÝ ĐƠN

Thời hạn luật định của từng bước xử lý đơn

Mỗi thanh là thời hạn luật định của một bước xử lý đơn nhãn hiệu, tính bằng tháng, theo Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi năm 2025. Đơn vị: tháng.

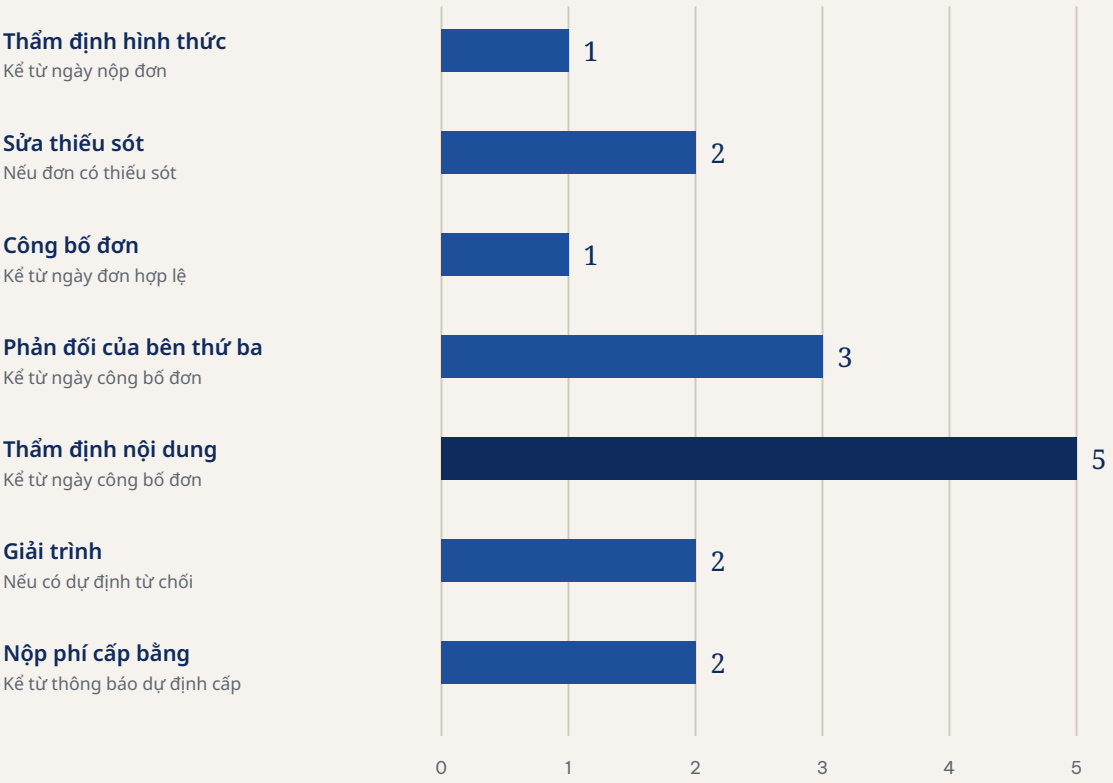

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 119 Luật Sở hữu trí tuệ, sửa đổi bởi khoản 44 Điều 1 Luật số 131/2025/QH15.

THÔNG TIN ẤN PHẨM

Ấn phẩm 03 thuộc Bộ sưu tập Cẩm nang pháp lý 7SLAW Legal Guides, bộ cẩm nang giúp doanh nghiệp nắm nhanh thủ tục, hồ sơ và thời hạn cần thiết. Để được tư vấn cho trường hợp cụ thể, vui lòng liên hệ Luật 7S.

BIÊN SOẠN	James Lawyer, Bộ Phận Nghiên Cứu Pháp Lý, Công ty Luật TNHH 7S. Quy định cập nhật đến ngày 08/10/2026.
LIÊN HỆ	Tầng 1–2, Lô E2, đường Mạc Thái Tổ, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội · 0877 523 888 · lienhe@7slaw.vn
PHÁP NHÂN	Công ty Luật TNHH 7S · Giấy đăng ký hoạt động 01022306/TP/ĐKHĐ · Mã số thuế 0110612710

Ấn phẩm cung cấp thông tin pháp luật chung, không phải ý kiến tư vấn cho một trường hợp cụ thể và không tạo lập quan hệ luật sư – khách hàng. Quy định và thực tiễn áp dụng có thể thay đổi; doanh nghiệp nên trao đổi với luật sư trước khi ra quyết định. © 2026 Công ty Luật TNHH 7S. Được phép trích dẫn khi ghi rõ nguồn. Ảnh: Artem Kniaz, Helen Cheng (Unsplash).

TRAO ĐỔI VỚI LUẬT SƯ

Cần áp dụng cho trường hợp của doanh nghiệp bạn?

Cẩm nang cung cấp thông tin pháp luật chung. Hãy gửi cho chúng tôi thông tin dự án; luật sư phụ trách sẽ rà soát và đề xuất lộ trình, thời gian và chi phí bằng văn bản.

BIÊN SOẠN VÀ ĐẦU MỐI

James Lawyer

Bộ Phận Nghiên Cứu Pháp Lý, Công ty Luật TNHH 7S

QUÉT ĐỂ GỬI YÊU CẦU TƯ VẤN
luat7s.com/lien-he-luat-7s

Văn phòng Hà Nội

Tầng 1–2, Lô E2, đường Mạc Thái Tổ, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội

0877 523 888 · lienhe@7slaw.vn

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh 1

Tầng 18, tòa nhà TNR Tower, 180 Nguyễn Công Trứ, phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

0911 173 322 · lienhe@7slaw.vn

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh 2

Số 71, Đường số 9, Khu đô thị Vạn Phúc, phường Hiệp Bình, TP. Hồ Chí Minh

0877 523 888 · lienhe@7slaw.vn

CÁCH LUẬT 7S HỖ TRỢ

01

Rà soát điều kiện

Đối chiếu ngành nghề, địa điểm, giấy tờ và chọn lộ trình phù hợp trước khi doanh nghiệp bỏ chi phí.

02

Chuẩn bị hồ sơ

Soạn thảo toàn bộ hồ sơ, hướng dẫn hợp pháp hóa, dịch thuật và ký đúng mẫu.

03

Làm việc với cơ quan nhà nước

Thay mặt doanh nghiệp nộp hồ sơ, theo dõi, giải trình và bổ sung khi được yêu cầu.

04

Bàn giao và nhắc hạn

Nhận, bàn giao kết quả và nhắc các nghĩa vụ báo cáo, gia hạn sau khi được cấp phép.

7SLAW LEGAL & ADVISORY

MÃ ẤN PHẨM 7SLG-03/2026 · PHÁT HÀNH LẦN 2, 09/10/2026

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG ĐƯỢC BẢO MẬT THEO NGHĨA VỤ CỦA LUẬT SƯ

7SLAW
LEGAL & ADVISORY

BỘ SƯU TẬP CẨM NANG PHÁP LÝ
7SLAW LEGAL GUIDES

7 GIÁ TRỊ CỐT LÕI 7S

Pháp minh an bảo kiệm,
chia sẻ hài lòng khách.

CÔNG TY LUẬT TNHH 7S · LUAT7S.COM · 7SLAW.VN
LIENHE@7SLAW.VN · 0877 523 888